TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 74/2019/HS-ST
Ngày: 20-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Ngọc Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Trọng Bình

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Hữu T., sinh năm 1989, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số X, đường Y, phường Z, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu Th. và bà Nguyễn Thị G.; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2019 (Có mặt).

Người bị hại: Chị Hà Thị Thúy H., sinh năm 1996; thường trú: Số X2, đường Y2, phường Z2, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số X3, đường Y3, phường Z3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Viết Th2., sinh năm 1987; thường trú: Số X4, đường Y4, phường Z4, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số X5, đường Y5, phường Z5, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 28/7/2018, Phạm Hữu T. điều khiển xe mô tô biển số: 70F2-6961 lưu thông trên đường hẻm A. đường X6 (hướng về đường X7), khi đi đến trước nhà số X8, đường Y6, phường Z6, quận Tân Phú, T. phát hiện chị Hà Thị Thúy H., đang đứng cạnh xe mô tô dựng trước nhà (chị H. đứng bên trái xe, hướng mặt vào trong nhà) và trên tay trái chị H. có cầm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus nên T. nảy sinh ý định cướp giật điện thoại di động của chị H. để bán lấy tiền tiêu xài. Do đã điều khiển xe chạy ngang qua chỗ chị H. đứng khoảng 60 mét nên T. điều khiển xe mô tô quay lại, chạy hướng ra đường X6. Khi cách chị H. khoảng 10 mét thì T. điều khiển xe mô tô của mình chạy lấn qua lề đường bên trái và áp sát vào sau lưng chị H. (từ hướng bên tay trái chị H.) rồi T. dùng tay trái giật điện thoại của H. rồi tăng ga xe bỏ chạy hướng ra đường X6 và đi qua nhiều tuyến đường. Khi đến trước nhà số Số X9, đường Y7, phường Z6, quận Tân Phú thì T. tắt nguồn và tháo sim gắn trong điện thoại vừa giật được ra vứt bỏ. Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 29/7/2018, T. đem chiếc điện thoại di động nói trên đến cửa hàng điện thoại tại số Z5, đường Y5, phường Z5, quận Bình Tân bán cho anh Nguyễn Viết Th2. được số tiền 5.000.000 đồng. Số tiền bán điện thoại T. đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 07/8/2018, khi Phạm Hữu T. đang điều khiển xe mô tô biển số 70F2-6961 lưu thông đến trước số X10 đường Y7, phường Z6, quận Tân Phú thì bị Đội cảnh sát hình sự, Công an quận Tân Phú kiểm tra hành chính và mời về trụ sở Công an phường Z6, quận Tân Phú làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Hữu T. đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Theo Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 22/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự quận Tân Phú thì: 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus hiệu Apple, màu hồng, 32Gb, số Imel: 353813082798652. Tài sản đã qua sử dụng. Tỷ lệ còn lại 85%. Trị giá 11.500.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Viết Th2. khi mua điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus từ T., không biết điện thoại trên do T. phạm tội mà có. Đến ngày 30/7/2018, anh Th2. đã bán lại điện thoại trên cho một thanh niên không rõ lai lịch với giá 6.000.000 đồng. Sau khi biết được sự việc, anh Th2. đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền thu lợi từ việc bán chiếc điện thoại di động trên là 1.000.000 đồng. Vì vậy, không có cơ sở để xử lý Nguyễn Viết Th2. về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus hiệu Apple, màu hồng, 32Gb, số Imel: 353813082798652

không thu hồi được, người bị hại là chị Hà Thị Thúy H. yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus hiệu Apple, màu hồng, 32Gb, số Imel: 353813082798652 (của chị Hà Thị Thúy H.) hiện không thu hồi được.

- 01 (một) xe gắn máy loại Dream, màu nâu, biển số: 70F2-6961, số máy: VKV1P50FMG-R-305845, số khung: RMKDCG3UM6K305845. Bị cáo T. khai xe mua của một người không rõ lai lịch tại khu vực nghĩa trang Bình Hưng Hòa để dùng làm phương tiện đi lại. Theo kết luận giám định số 3493/KLGĐ-X (Đ6) ngày 19/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì chiếc xe gắn máy trên có số khung, số máy không thay đổi. Qua xác minh số khung, số máy trên tại Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả không tìm thấy dữ liệu tra cứu. Tiến hành xác minh biển số 70F2-6961, kết quả là biển số của xe gắn máy hiệu Stream do anh Phạm Văn Dân, sinh năm 1975; thường trú: Tổ 39 ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc anh Dân khai chiếc xe gắn máy biển số 70F2-6961 do anh đang trực tiếp sử dụng và không bị mất biển số lần nào nên anh Dân không có yêu cầu gì.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Hphone H221, màu đen, số Imei: 3555870214227412 (thu giữ của Phạm Hữu T.).

- 01 (một) nón bảo hiểm, hiệu Nón Sơn, màu đen; 01 (một) đôi dép quai hậu, màu đen, hiệu Vento, có 02 sọc màu trắng; 01 (một) áo khoác tay dài, màu đen, có sọc trắng tại tay áo (thu giữ của Phạm Hữu T.).

- Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng (do anh Nguyễn Viết Th2. nộp tại Cơ quan điều tra).

Tại Bản cáo trạng số 71/CT-VKSQTP ngày 06/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Hữu T. về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T. từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Hữu T. thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố và đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại.

Người bị hại là chị Hà Thị Thúy H. có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Viết Th2. có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của bị cáo:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 10 giờ 20 phút ngày 28/7/2018, Phạm Hữu T. điều khiển xe gắn máy 02 bánh hiệu Dream, màu nâu, biển số 70F2-6961 thực hiện hành vi cướp giật tài sản là 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus hiệu Apple của chị Hà Thị Thúy H. tại trước nhà số X8, đường Y6, phường Z6, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó bị cáo T. đã đem bán chiếc điện thoại trên cho anh Nguyễn Viết Th2. với giá 5.000.000 đồng. Anh Th2. đem bán lại cho khách giá 6.000.000 đồng. Đến ngày 07/8/2018, khi Phạm Hữu T. đang điều khiển xe mô tô biển số 70F2-6961 lưu thông đến trước số X10, đường Y7, phường Z6, quận Tân Phú thì bị Đội cảnh sát hình sự, Công an quận Tân Phú kiểm tra hành chính và mời về trụ sở Công an phường Z6, quận Tân Phú làm việc. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú truy tố bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" theo Điều 171 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Bị cáo T. sử dụng xe gắn máy là nguồn nguy hiểm cao độ làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội là thuộc thường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo T. phạm tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ, đồng thời ảnh hưởng đến trật tự, trị an, an toàn xã hội. Bản thân bị cáo đã trên 18 tuổi, đủ năng

lực nhận thức và điều khiển hành vi, nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng mà không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo và liều lĩnh, ngay trên đường phố lúc ban ngày, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc để giáo dục bị cáo nói riêng và để đảm bảo việc đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung cho toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Bị cáo Phạm Hữu T. tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải. Do đó xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Phạm Hữu T..

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị chiếm đoạt là 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus hiệu Apple, màu hồng, 32Gb, số Imel: 353813082798652 không thu hồi được, người bị hại là chị Hà Thị Thúy H. yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000 đồng.

Bị cáo T. đồng ý với yêu cầu bồi thường của người bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Phạm Hữu T. bồi thường cho chị Hà Thị Thúy H. số tiền 15.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus hiệu Apple, màu hồng, 32Gb, số Imel: 353813082798652 (của chị Hà Thị Thúy H.) hiện không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xét.

- 01 (một) xe gắn máy loại Dream, màu nâu, biển số: 70F2-6961, số máy: VKV1P50FMG-R-305845, số khung: RMKDCG3UM6K305845. Bị cáo T. khai xe mua của một người không rõ lai lịch tại khu vực nghĩa trang Bình Hưng Hòa để dùng làm phương tiện đi lại.

Theo kết luận giám định số 3493/KLGĐ-X (Đ6) ngày 19/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì chiếc xe gắn máy trên có số khung, số máy không thay đổi. Qua xác minh số khung, số máy trên tại Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả không tìm thấy dữ liệu tra cứu. Đây là vật chứng không rõ nguồn gốc, bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần thông báo trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng. Nếu hết thời hạn 06

tháng mà không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đến nhận thì tịch thu chiếc xe trên nộp ngân sách Nhà nước.

Tiến hành xác minh biển số 70F2-6961, kết quả là biển số của xe gắn máy hiệu Stream do anh Phạm Văn D., sinh năm 1975; thường trú: Tổ L, ấp M, xã N, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc anh D. khai chiếc xe gắn máy biển số 70F2-6961 do anh đang trực tiếp sử dụng và không bị mất biển số lần nào nên anh D. không có yêu cầu gì. Xét thấy đây là vật chứng không có giá trị sử dụng nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Hphone H221, màu đen, số Imei: 3555870214227412 (thu giữ của Phạm Hữu T.). Đây là tài sản của bị cáo T. không liên quan đến hành vi phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại chiếc điện thoại trên cho Phạm Hữu T..

- 01 (một) nón bảo hiểm, hiệu Nón Sơn, màu đen; 01 (một) đôi dép quai hậu, màu đen, hiệu Vento, có 02 sọc màu trắng; 01 (một) áo khoác tay dài, màu đen, có sọc trắng tại tay áo (thu giữ của Phạm Hữu T.). Đây là các vật chứng không có giá trị sử dụng, bị cáo không yêu cầu nhận lại nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

- Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng (do anh Nguyễn Viết Th2. nộp tại Cơ quan điều tra). Đây là tiền xuất phát từ hành vi phạm tội của bị cáo T. mà có. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí:

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điều 171 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu T. phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T. 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2019.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Hữu T..

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Phạm Hữu T. bồi thường cho chị Hà Thị Thúy H. số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Thông báo trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng đối với: 01 (một) xe gắn máy loại Dream, màu nâu, số máy: VKV1P50FMG-R-305845, số khung: RMKDCG3UM6K305845. Nếu hết thời hạn 06 tháng mà không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đến nhận thì tịch thu chiếc xe trên nộp ngân sách Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) biển số: 70F2-6961.

- 01 (một) nón bảo hiểm, hiệu Nón Sơn, màu đen; 01 (một) đôi dép quai hậu, màu đen, hiệu Vento, có 02 sọc màu trắng; 01 (một) áo khoác tay dài, màu đen, có sọc trắng tại tay áo (thu giữ của Phạm Hữu T.).

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng (do anh Nguyễn Viết Th2. nộp tại Cơ quan điều tra).

Trả lại cho Phạm Hữu T.:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Hphone H221, màu đen, số Imei: 3555870214227412.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 140/PNK ngày 24/01/2019 của Công an quận Tân Phú).

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Ngọc Phượng

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh (2);
- VKSND quận Tân Phú (3);
- THADS quận Tân Phú (1);
- THAHS quận Tân Phú (2);
- Phòng PC53 CA Tp. HCM (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Bị cáo (1);
- Người bị hại (1);
- Người có QLNVLQ (1);
- Sở Tư Pháp (1);
- Lưu: VT (1); hồ sơ vụ án (1). (17)